

TÒA ÁN N DÂN  
HUYỆN NĐ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 21 - 9 - 2023  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

N DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM  
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm N dân:

- Bà Hồ Thị Thanh Tuyền.
- Ông Vương Văn Vui.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần N Tài - Thư ký Tòa án N dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án N dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế (điểm cầu trung tâm) và trụ sở Ủy ban N dân thị trấn Khe Tre, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế (điểm cầu thành phần) xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 562/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 612/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 06/9/2023 và Thông báo số 637/TB-TAND, ngày 07/9/2023 về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm: 1986.

Nơi thường trú: Xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Phước T, sinh năm: 1986.

Nơi thường trú: Xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Ngô Ngọc N, sinh ngày 12/6/2016 và cháu Ngô Phước N, sinh ngày 25/01/2022 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị Phạm Thị Đ là ông Trương Phan Thụy D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con đề ngày 06 tháng 6 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn N: Chị và anh Ngô Phước T tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 20/11/2015. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về sinh sống tại Xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn N của vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên N là do anh T mê gà đá, không quan tâm nhiều đến vợ con. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Mặc dù sống chung với nhau trong nhà nhưng việc ai người đó làm và không quan tâm gì đến nhau. Suốt 02 năm, hai vợ chồng không nói chuyện và không tâm sự với nhau. Do vợ chồng không còn tình cảm nên thống nhất thỏa thuận giải quyết việc dân sự về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con đã cùng ký và xác nhận vào các thủ tục tại Tòa án, đến ngày 02/7/2023 anh T tự ý bỏ đi, tức là anh T biết được vụ việc đang được Tòa án giải quyết nhưng anh cố tình không ra Tòa án để giải quyết ly hôn với chị. Chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được, do đó chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Phước T.

Về con chung: Chị với anh Ngô Phước T có 02 người con chung là cháu Ngô Ngọc N, sinh ngày 12/6/2016 và Ngô Phước N, sinh ngày 25/01/2022. Hiện nay hai cháu đang do chị nuôi dưỡng và chăm sóc. Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, chị với anh T đã thống nhất giao cả 02 cháu cho chị tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Nay chị giữ nguyên yêu cầu này.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đối với bị đơn anh Ngô Phước T:* Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con đề ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa anh T với chị Phạm Thị Đ đã thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc giao cả 02 cháu cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Theo Công văn số 86/UBND-TP, ngày 18/7/2023 của Ủy ban N dân xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc trả lời xác minh nội dung vụ án, kết quả xác minh như sau: “Anh Ngô Phước T, sinh năm: 1986; Nơi thường trú: Xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế hiện không có mặt tại địa phương; Qua xác minh của Công an xã TQ anh T đã đi khỏi địa phương, đi làm ăn bên Lào từ ngày 02/7/2023, khi đi anh T không báo cho chính quyền địa phương”. Ngày 21/7/2023 Tòa án đã tiến xác minh, tại thời điểm xác minh anh Ngô Phước T không có mặt tại địa phương. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T cố tình vắng mặt tất cả các buổi làm việc mà không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh.

*\* Ý kiến của ông Trương Phan Thụy D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Ngô Ngọc N và cháu Ngô Phước N:*

Qua xác minh được biết, vợ chồng chị Đ và anh T có 02 người con chung: Ngô Ngọc N, sinh ngày 12/6/2016 và Ngô Phước N, sinh ngày 25/01/2022. Hiện nay hai cháu đang ở với chị Đ. Theo nguyện vọng của cháu Ngô Ngọc N thì cháu mong muốn được ở với mẹ nếu ba mẹ cháu ly hôn. Hiện tại, anh T không có mặt tại địa phương, thường xuyên đi làm ăn và cả cháu còn nhỏ nên cần có mẹ ở bên. Trên cơ sở nội dung yêu cầu của chị Đ và nguyện vọng của cháu N đề nghị Tòa án xem xét giao các cháu cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì.

\* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, khoản 2 Điều 367, khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn N và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Đ, chị Đ được ly hôn với anh Ngô Phước T; về con chung: Giao cháu Ngô Ngọc N, sinh ngày 12/6/2016 và Ngô Phước N, sinh ngày 25/01/2022 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, nợ chung: Do chị Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con giữa chị Phạm Thị Đ và anh Ngô Phước T đề ngày 06/6/2023 thì Tòa án N dân huyện NĐ đã thụ lý giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Ngô Phước T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải nhưng vắng mặt nên Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con để giải quyết theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 367 và khoản 5 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định tư cách tham gia tố tụng của chị Phạm Thị Đ là nguyên đơn và anh Ngô Phước T là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Ngô Phước T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn N: Chị Phạm Thị Đ và anh Ngô Phước T tự nguyện kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 2015, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban N dân xã TQ, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn N của chị Đ và anh T là hôn N hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Theo chị Đ, sau khi kết hôn cuộc sống hôn N của vợ chồng không có hạnh phúc, anh T mê gà đá, không quan tâm nhiều đến vợ con nên dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do không thể tiếp tục sống chung với nhau, vợ chồng đã thống nhất thỏa thuận giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, cùng nhau ký và xác nhận vào các thủ tục ly hôn nhưng đến ngày 02/7/2023 anh T tự ý bỏ đi, tức là anh T biết được vụ việc đang được Tòa án giải quyết nhưng anh cố tình không ra Tòa án để giải quyết ly hôn với chị. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên tòa chị Đ vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Phước T. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T cố tình vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với nội dung yêu cầu của chị Đ. Điều đó chứng tỏ anh T không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Mặt khác, việc anh T và chị Đ đã thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con nên hai bên đã cùng nhau ký và xác nhận trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 06/6/2023, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Đ và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt. Từ những nguyên N trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn N và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Đ, chị Đ được ly hôn anh Ngô Phước T.

[3.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Đ và anh Ngô Phước T có 02 người con chung là Ngô Ngọc N, sinh ngày 12/6/2016 và Ngô Phước N, sinh ngày 25/01/2022. Xét theo yêu cầu chị Đ là được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu đến khi đủ 18 tuổi và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận định: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ quyền lợi mọi mặt của con. Sau khi anh T bỏ đi khỏi địa phương, những người con chung này do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; việc nuôi dưỡng các cháu được chị Đ đảm bảo tốt nhất. Theo nguyện vọng của cháu Ngô Ngọc N thì cháu mong muốn được ở với mẹ nếu ba mẹ cháu ly hôn. Hiện tại anh T không có mặt tại địa phương, không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Để tiếp tục ổn định cuộc sống của các cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận giao cháu Ngô Ngọc N và cháu Ngô Phước N cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn N và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện NĐ; quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Ngô Ngọc N và cháu Ngô Phước N của Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, khoản 2 Điều 367, khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn N và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Đ**

- Về quan hệ hôn N: Chị Phạm Thị Đ được ly hôn với anh Ngô Phước T (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 20/11/2015 do Ủy ban N dân xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp).

- Về con chung: Giao cháu Ngô Ngọc N, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2016 và cháu Ngô Phước N, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2022 cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Ngô Phước T có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng lệ phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số**

AA/2021/0002676 ngày 13/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị Đ đã nộp đủ.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn chị Phạm Thị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Ngô Phước T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- UBND xã TQ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Mạnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vương Văn Vui   Hồ Thị Thanh Tuyên**

**Nguyễn Văn Mạnh**

